

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1754/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 7 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án, định mức chi và phân bổ kinh phí thực hiện
phòng chống dịch bệnh lở mồm long móng ở gia súc
trên địa bàn tỉnh năm 2006**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-TTg ngày 18/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ kinh phí phòng, chống bệnh lở mồm long móng gia súc;

Căn cứ Quyết định số 38/2006/QĐ/BNN ngày 16/5/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy định phòng chống bệnh LMLM gia súc;

Căn cứ Thông tư số 44/2006/TT-BTC ngày 24/5/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính để phòng, chống dịch LMLM ở gia súc;

Xét Công văn số 732/SNN và PTNT ngày 05/6/2006 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề nghị thẩm định phương án phòng, chống dịch bệnh LMLM gia súc trên địa bàn tỉnh và theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 809/TC-HCSN ngày 07/6/2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án phòng, chống dịch bệnh lở mồm long móng ở gia súc trên địa bàn tỉnh năm 2006 với những nội dung chính như sau:

1. Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh LMLM

1.1 Cơ quan thực hiện: Chi cục Thú y và UBND 13 huyện, thành phố (trừ huyện Lý Sơn).

1.2 Phạm vi tiêm phòng:

1.2.1- Vùng tiêm phòng: Vùng không chế, vùng đệm, vùng có dịch xảy ra trong thời gian 2 năm gần đây, vùng có nguy cơ cao.

1.2.2- Đối tượng tiêm phòng: Tiêm phòng cho trâu, bò, dê, heo nái và heo đực giống tại các xã, phường, thị trấn thuộc 13 huyện, thành phố (trừ huyện Lý Sơn).

1.3- *Chỉ tiêu, số lượng gia súc và nhu cầu vắc xin tiêm phòng:*

1.3.1- Chỉ tiêu: Tiêm phòng vắc xin LMLM cho 80 % số trâu, bò, dê, heo nái và heo đực giống so với tổng đàn.

Tổng đàn thống kê năm 2005 là: 412.288 con. Trong đó:

- Trâu, bò: 287.984 con.

- Dê: 15.244 con.

- Heo nái và heo đực giống: 109.060 con.

1.3.2- Số lượng gia súc tiêm phòng: Tổng số gia súc trong diện tiêm phòng bắt buộc là: **329.827** con. Cụ thể như sau:

TT	Vùng tiêm phòng	Tổng số gia súc (con)	Trâu, bò	Dê	Heo nái, heo đực giống	Ghi chú
1	Vùng không chế	312.125	219.002	10.973	82.150	Tiêm 80 % tổng đàn
2	Vùng đệm	17.702	11.384	1.221	5.097	
Tổng cộng		329.827	230.386	12.194	87.247	

1.3.3- Nhu cầu vắc xin LMLM tiêm phòng trong năm 2006:

TT	Vùng tiêm phòng	Nhu cầu vắc xin (liều)	Trong đó		Ghi chú
			Type O	Type (A-O)	
1	Vùng không chế	624.250	585.664	38.586	Tiêm phòng định kỳ 2 lần/năm
2	Vùng đệm	35.404	35.404	0	
Tổng cộng		659.654	621.068	38.586	

1.3.4- Dự kiến đơn giá vắc xin:

- Vắc xin type O : 6.000 đồng/liều.

- Vắc xin type (O,A) : 12.000 đồng/liều

1.4- *Thời gian và liều lượng vắc xin tiêm phòng:*

1.4.1- Thời gian: Tiêm phòng lần 1 trong năm 2006 và tiêm phòng lần 2 vào đầu năm 2007; khoảng cách giữa 02 lần tiêm theo quy định hiện hành.

1.4.2 - Liều lượng: Liều lượng, đường tiêm, qui trình sử dụng vắc xin theo hướng dẫn của cơ quan thú y và nhà sản xuất.

2. Định mức chi, nguồn kinh phí và phân bổ kinh phí

2.1. Định mức chi:

2.1.1- Chi bồi dưỡng lực lượng tham gia tiêm phòng:

- Ở các huyện đồng bằng, thành phố 1.000 đồng/con/lần tiêm đối với heo và 2.000 đồng/con/lần tiêm đối với trâu, bò, dê.

- Ở các huyện miền núi 50.000 đồng/người/ngày với định mức gia súc được tiêm tối thiểu 30 con/ngày trở lên đối với heo và 15 con/ngày trở lên đối với trâu, bò, dê.

2.1.2- Chi bồi dưỡng cho lực lượng thực hiện phun hoá chất khử trùng theo chỉ đạo của tỉnh: 50.000 đồng/người/ngày (đối với ngày làm việc) và 100.000 đồng/người/ngày (đối với ngày nghỉ, ngày lễ).

2.1.3- Chi bồi dưỡng cho các đối tượng tham gia trực tiếp công tác phòng, chống dịch theo quyết định của huyện, thành phố và làm nhiệm vụ tại các chốt kiểm dịch theo quyết định của tỉnh với mức: 40.000 đồng/người/ngày (đối với ngày làm việc) và 60.000 đồng/người/ngày (đối với ngày nghỉ, ngày lễ).

2.1.4- Chi cho công tác tiêu huỷ gia súc: 150.000 đồng/con đối với trâu, bò tiêu huỷ và 50.000 đồng/con đối với heo, dê tiêu huỷ. Trong đó mức chi bồi dưỡng cho các đối tượng trực tiếp tham gia công tác tiêu huỷ gia súc với mức tối đa là: 50.000 đồng/người/ngày (đối với ngày làm việc) và 100.000 đồng/người/ngày (đối với ngày nghỉ, ngày lễ).

2.1.5- Mức hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân có gia súc khi tiêm phòng bị phản ứng vắc xin chết hoặc gia súc bị bệnh phải tiêu huỷ bắt buộc: 12.000 đồng/kg hơi đối với trâu, bò, dê và 10.000 đồng/kg hơi đối với heo.

2.2 Nguồn kinh phí:

2.2.1- Tổng kinh phí thực hiện phương án năm 2006: 7.958.240.000 đồng
(Bảy tỷ chín trăm năm mươi tám triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn)

Trong đó:

- Ngân sách trung ương: 5.705.628.000 đồng

- Ngân sách địa phương: 2.252.612.000 đồng

Trong đó:

+ Ngân sách tỉnh: 1.750.612.000 đồng

+ Ngân sách huyện, thành phố: 502.000.000 đồng

Đối với kinh phí từ ngân sách huyện, thành phố do UBND huyện, thành phố quyết định sử dụng từ nguồn dự phòng chi ngân sách cấp mình để phục vụ phòng, chống dịch.

2.2.2- Cụ thể các nội dung chi như sau:

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung thực hiện	Kinh phí
I	Kinh phí mua vắc xin tiêm phòng:	4.189.440
	Trong đó:	
	- Ngân sách Trung ương hỗ trợ	4.083.228
	- Ngân sách địa phương hỗ trợ	106.212
	Cụ thể như sau:	
1	Vùng không chế do ngân sách Trung ương hỗ trợ 100 %	3.977.016
1.1	Vắc xin type O: 585.664 liều x 6.000 đ/liều	3.513.984
1.2	Vắc xin type (O,A): 38.586 liều x 12.000 đ/liều	463.032
2	Vùng đệm(tiêm vắc xin type O)	212.424
	Trong đó	
2.1	Ngân sách Trung ương hỗ trợ 50 %	106.212
2.2	Ngân sách địa phương hỗ trợ 50 %	106.212
II	Kinh phí bồi dưỡng lực lượng trực tiếp tiêm phòng gia súc	1.252.000
1	Ngân sách trung ương hỗ trợ 50 %	626.000
2	Ngân sách địa phương hỗ trợ 50 %	626.000
	Trong đó:	
2.1	Đối với các huyện miền núi do ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%	234.000
2.2	Đối với các huyện đồng bằng, thành phố do ngân sách huyện, thành phố hỗ trợ 100%	392.000
III	Kinh phí bồi dưỡng lực lượng phun hoá chất và PC dịch	493.800

1	Ngân sách Trung ương hỗ trợ 50%	246.900
2	Ngân sách địa phương hỗ trợ 50%	246.900
	Trong đó:	
2.1	Đối với các huyện miền núi, ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% cho lực lượng phun hoá chất, phòng chống dịch do huyện thành lập và lực lượng trực tiếp phun hoá chất khử trùng và cán bộ tham gia các chốt kiểm dịch do tỉnh thành lập.	136.900
2.2	Đối với các huyện đồng bằng, thành phố do ngân sách huyện, thành phố hỗ trợ 100% cho lực lượng phun hoá chất và phòng chống dịch do huyện, thành phố thành lập.	110.000
IV	Kinh phí hỗ trợ tiêu huỷ gia súc bắt buộc và chi phí tiêu huỷ	1.499.000
1	Ngân sách Trung ương hỗ trợ 50%	749.500
2	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%	749.500
V	Kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% cho mua hoá chất, thuốc điều trị, tuyên truyền, vắc xin dự phòng và chi khác	524.000
1	Mua hoá chất sát trùng:	80.000
2	Mua thuốc điều trị bệnh LMLM gia súc:	17.000
3	Chi phục vụ công tác tuyên truyền và tập huấn:	180.000
4	Chi phí xăng đi lại, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống dịch của cấp tỉnh:	67.000
5	Mua vắc xin dự phòng để phòng, chống dịch	180.000

2.3- Phân bổ kinh phí: (có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Cấp phát và thanh quyết toán kinh phí

1- Kinh phí mua vắc xin phòng, chống dịch LMLM gia súc, Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo Chi cục Thú y thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh và các Bộ ngành Trung ương. UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm về số liệu đăng ký vắc xin, nộp tiền và giao nhận vắc xin tại Chi cục Thú y. Tuyệt đối không được để tình trạng dư vắc xin sau tiêm phòng.

2- Sau khi có quyết định phê duyệt của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo Chi cục Thú y lập dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính thẩm tra để làm cơ sở thực hiện và thanh quyết toán kinh phí phân bổ cho Chi cục Thú y. Đối với kinh phí

phân bổ cho các huyện, thành phố, Sở Tài chính trợ cấp có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thành phố để chi trả các khoản chi phí phục vụ phòng, chống dịch.

3- Thanh quyết toán kinh phí thực hiện phòng, chống dịch LMLM phải đúng theo phương án được phê duyệt và các qui định hiện hành của nhà nước; số lượng gia súc được tiêm phòng; số lượng, trọng lượng gia súc tiêu huỷ phải có xác nhận của chính quyền địa phương; tổ chức, cá nhân chăn nuôi gia súc; cán bộ và lực lượng tham gia tiêm phòng và tiêu huỷ gia súc. UBND các cấp chịu trách nhiệm về tính chính xác các số liệu nêu trên trước UBND tỉnh và được công khai trước nhân dân địa phương.

4- Kết thúc công tác phòng, chống dịch LMLM năm 2006, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm kiểm tra, xét duyệt quyết toán chi phí của các đơn vị trực thuộc, gửi Sở Tài chính thẩm tra và tổng hợp trình UBND tỉnh quyết định bổ sung dự toán chi cho Sở Nông nghiệp và PTNT và quyết định trợ cấp có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thành phố.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1/ Công tác chỉ đạo điều hành

1.1- UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành công tác phòng, chống dịch LMLM gia súc trên địa bàn; đồng thời phối hợp với các Sở, Ban, Ngành có liên quan để triển khai thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh LMLM gia súc trên địa bàn huyện, thành phố .

1.2- Sở Nông nghiệp và PTNT:

- Chịu trách nhiệm quản lý, chỉ đạo thực hiện Phương án phòng, chống dịch bệnh LMLM gia súc năm 2006 trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo Chi cục Thú y tổ chức mua dụng cụ, trang thiết bị, tiếp nhận vắc xin đúng thời gian, đủ số lượng theo kế hoạch được cấp để phân bổ kịp thời cho các địa phương thực hiện phòng, chống dịch theo tiến độ, đúng với qui định của nhà nước.

- Trong quá trình thực hiện kế hoạch, nếu có phát sinh hay thay đổi chủng loại vắc xin LMLM, giao Sở Nông nghiệp và PTNT quyết định và chịu trách nhiệm về hiệu quả của quyết định đó, đồng thời chỉ đạo Chi cục Thú y điều chỉnh kịp thời để phục vụ tiêm phòng cho gia súc nhưng kinh phí không được vượt tổng dự toán kinh phí mua vắc xin tại Quyết định này.

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo thực hiện Phương án phòng, chống dịch LMLM gia súc năm 2006,